TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2018/HNGĐ - ST Ngày: 28-6-2018 V/v tranh chấp: "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Thái Minh Trí
Bà Phan Thị Hiếu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Liên – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Chân Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 123/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thân Thị Tuyết N, sinh năm 1987
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số nhà 123, tổ 3, ấp Đ, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N và anh H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Thân Thị Tuyết N trình bày: Chị N và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, TP. B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01 ngày 09/10/2008. Việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, quan tâm

chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2017 cho đến nay. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung : Chị N và anh H có 03 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 24/7/2009, cháu Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 25/4/2011, cháu Nguyễn Ngọc Thiên K - sinh ngày 01/2/2015. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu x 3 = 3.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

**** Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2018 và lời khai tại Tòa:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thân Thị Tuyết N xây dựng gia đình với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, TP. B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2008. Việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân và không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị Ncó 03 người con chung là cháu Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 24/7/2009, cháu Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 25/4/2011, cháu Nguyễn Ngọc Thiên K - sinh ngày 01/2/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tuấn K và cháu Thiên K; chị N nuôi dưỡng cháu Tuấn A. Anh không yêu cầu chị Ncấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N ly hôn ly hôn với anh Hiếu. Về con chung: Giao 03 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu x 3 = 3.000.000đ.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2008 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, TP. B, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2008, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị N xin ly hôn với anh H với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường hay xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay. Tại phiên tòa, anh H đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử ghi sự thuận tình ly hôn giữa anh Hiếu và chị Như theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh H và chị N có 03 con chung là cháu Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 24/7/2009, cháu Nguyễn Tuấn K - sinh ngày 25/4/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên K- sinh ngày 01/2/2015.

Tại phiên tòa, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu. Anh H không đồng ý, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K và cháu K, chị N nuôi dưỡng cháu A.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung của các đương sự thì thấy rằng: Anh H hiện làm công nhân, chị N là thợ may tại nhà nên chị N có nhiều thời gian trong việc trông nom, chăm sóc con chung; Anh H và chị N thừa nhận thu nhập hàng tháng của anh H khoảng 14.000.000đ, thu nhập của chị N hàng tháng khoảng 10.000.000đ và từ tháng 9/2017 cho đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc các con chung, anh H không góp kinh phí phụ giúp nuôi con; Anh H yêu cầu được nuôi con và khai rằng nếu Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng thì anh sẽ gửi con về tỉnh Thái Nguyên cho bà nội chăm sóc, vì anh không có thời gian chăm sóc con chung; mặt khác, cháu Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Tuấn K đã có lời khai thể hiện là mong muốn được sống chung với chị N. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các con chung của anh H và chị N, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung và anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu là phù hợp với các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Thân Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Thân Thị Tuyết N đối với anh Nguyễn Văn H.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn H.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Thân Thị Tuyết N được quyền nuôi dưỡng các con chung là cháu Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 24/7/2009, cháu Nguyễn Tuấn K- sinh ngày 25/4/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên K- sinh ngày 01/2/2015.

Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/cháu x 3 = 3.000.000đ. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì anh H phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh H được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Thân Thị Tuyết Nphải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 007917 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Chị N đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND phường L, TP. B, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm